BỘ NỘI VỤ

BỘ NỘI VỤ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 14/2023/TT-BNV	*Hà Nội, ngày 05 tháng 9 năm 2023*

THÔNG TƯ
Ban hành Quy định cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 63/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính;

Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư ban hành Quy định cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Quy định cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 10 năm 2023.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Nội vụ, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc

Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Nội vụ để xem xét, xử lý./.

BỘ TRƯỞNG

Phạm Thị Thanh Trà

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
CẬP NHẬT, KHAI THÁC VÀ QUẢN LÝ CƠ SỞ DỮ LIỆU CHUYÊN NGÀNH NỘI VỤ

(Kèm theo Thông tư số 14/2023/TT-BNV ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ.

2. Việc cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ chứa thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Thông tư này không áp dụng đối với việc cập nhật, khai thác và quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Nội vụ (sau đây gọi chung là đơn vị thuộc Bộ).

4. Cơ quan, tổ chức khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ là tập hợp dữ liệu số hóa thông tin chuyên ngành Nội vụ do Bộ Nội vụ xây dựng, quản lý và giao cho các cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ cấp bộ, ngành, tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương quản lý, sử dụng và phân quyền cho cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của bộ, ngành, địa phương.

2. Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ là cơ quan có thẩm quyền quản lý hoặc theo phân cấp quản lý có trách nhiệm thực hiện xây dựng, xác nhận, phê duyệt sửa đổi nội dung, thay đổi trạng thái, khai thác cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ trong các cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý.

a) Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ trung ương là cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nội vụ, được Bộ Nội vụ phân công quản lý dữ liệu chuyên ngành Nội vụ (sau đây gọi là cơ quan quản lý dữ liệu cấp I).

b) Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ cấp bộ, ngành, tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương là cơ quan, đơn vị được phân công thu thập, tổng hợp, báo cáo và quản lý dữ liệu thuộc quyền quản lý của bộ, ngành, địa phương đó (sau đây gọi là cơ quan quản lý dữ liệu cấp II).

3. Cập nhật dữ liệu là việc thực hiện thao tác nhập thông tin vào cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ.

4. Tài khoản là tên định danh và mật khẩu được cấp cho tổ chức hoặc cá nhân để đăng nhập vào cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ.

5. Quản lý tài khoản người dùng là việc tạo lập, cấp, hạn chế, mở rộng hoặc hủy bỏ quyền truy cập vào cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ.

6. Quản lý cơ sở dữ liệu là việc xây dựng, cập nhật, sửa đổi nội dung, thay đổi trạng thái, khai thác cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ.

7. Khai thác cơ sở dữ liệu là việc thực hiện các chức năng tra cứu, tìm kiếm, xem thông tin hoặc tổng hợp các tiêu chí thống kê, báo cáo, xuất, in các kết quả trên cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ.

8. Phân quyền là việc cơ quan quản lý dữ liệu cấp I phân quyền cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu cho cơ quan quản lý dữ liệu cấp II để tổng hợp, cập nhật dữ liệu để báo cáo về Bộ Nội vụ và việc cơ quan quản lý dữ liệu cấp I giao cho cơ quan quản lý dữ liệu cấp II tiếp tục phân quyền xuống các cơ quan, đơn vị cấp dưới để thực hiện thu thập, cập nhật dữ liệu theo đề nghị của cơ quan quản lý dữ liệu cấp II.

Điều 4. Nguyên tắc cập nhật, kết nối, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ

1. Cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ được quản lý tập trung từ trung ương đến bộ, ngành, địa phương; bảo đảm sự thống nhất trong chỉ đạo, điều hành, tập

trung tối đa nguồn lực, rút ngắn thời gian trong việc thu thập, chỉnh sửa, cập nhật thông tin cho cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ trong các cơ quan, đơn vị.

2. Công tác cập nhật và quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ là trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan, được thực hiện thống nhất, liên tục, đồng bộ, khoa học, phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin của các lĩnh vực thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ. Việc cập nhật cơ sở dữ liệu bảo đảm nguyên tắc dữ liệu chỉ thu thập từ một nguồn, một lần không trùng lặp và chia sẻ lại các hệ thống thông tin có liên quan phục vụ khai thác dữ liệu.

3. Cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ được chia sẻ phục vụ các hoạt động của cơ quan nhà nước hướng tới phục vụ người dân, doanh nghiệp tuân thủ quy định của pháp luật trong việc tạo lập, quản lý và sử dụng dữ liệu.

4. Cơ quan, đơn vị được kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin với cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ phải đảm bảo điều kiện hạ tầng hệ thống thông tin, mô hình kết nối, cấu trúc dữ liệu, an ninh, an toàn, bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật.

5. Cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ được lưu trữ, bảo mật, bảo đảm an toàn thông tin. Việc xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ phải tuân thủ kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và kiến trúc Chính phủ điện tử của Bộ Nội vụ, quy định về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Chương II
NỘI DUNG CỦA CƠ SỞ DỮ LIỆU CHUYÊN NGÀNH NỘI VỤ

Điều 5. Danh mục cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ

Danh mục cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ do Bộ Nội vụ xây dựng, quản lý thống nhất trong toàn ngành Nội vụ bao gồm:

1. Cơ sở dữ liệu quốc gia tài liệu lưu trữ.

2. Cơ sở dữ liệu về kiểm định chất lượng đầu vào công chức.

3. Cơ sở dữ liệu về tổ chức, bộ máy.

4. Cơ sở dữ liệu chính quyền địa phương và địa giới hành chính.

5. Cơ sở dữ liệu về hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ.

6. Cơ sở dữ liệu về thanh niên.

7. Cơ sở dữ liệu về tôn giáo.

8. Cơ sở dữ liệu về thi đua - khen thưởng.

9. Cơ sở dữ liệu về quản lý đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

10. Cơ sở dữ liệu về nhân tài.

Điều 6. Nội dung cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ

Cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ do Bộ Nội vụ xây dựng, quản lý thống nhất trong toàn ngành Nội vụ. Nội dung của cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ được thực hiện theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 11 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

Phạm vi, nội dung cụ thể của từng cơ sở dữ liệu, việc cập nhật bổ sung danh mục các cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ được thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nội vụ.

Chương III
QUẢN LÝ, CẬP NHẬT, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG CƠ SỞ DỮ LIỆU

Điều 7. Tài khoản trên cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ

Tài khoản trên cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ được cấp cho tổ chức, cá nhân dùng để quản trị, cập nhật dữ liệu, khai thác và sử dụng thông tin từ cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ.

1. Tài khoản quản trị cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ do Bộ Nội vụ quản lý.

2. Tài khoản quản trị của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc chính phủ, các cơ quan trung ương, tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương (cơ quan quản lý dữ liệu cấp II) do Bộ Nội vụ cấp và giao cho các cơ quan quản lý, sử dụng.

3. Tài khoản quản trị của các cơ quan, đơn vị do cơ quan quản lý dữ liệu cấp II cấp trên cấp và giao cho các cơ quan, đơn vị quản lý và sử dụng. Tài khoản dùng để khai thác sử dụng của các đơn vị, cá nhân thuộc và trực thuộc các cơ quan, đơn vị do cơ quan, đơn vị cấp để quản lý, sử dụng.

4. Tổ chức, cá nhân được giao tài khoản chịu trách nhiệm bảo mật tài khoản, bảo mật dữ liệu và quản lý, sử dụng tài khoản theo đúng mục đích, chức năng quy định.

Điều 8. Sử dụng, cập nhật dữ liệu trên cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ

1. Cơ quan, đơn vị được giao sử dụng, cập nhật dữ liệu có trách nhiệm truy cập vào cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ để xử lý nghiệp vụ, cập nhật thông tin; thông tin phải thống nhất định dạng kỹ thuật, phản ánh đầy đủ, chính xác, đúng thời gian quy định của từng dữ liệu. Việc sử dụng, cập nhật dữ liệu trên cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ được thực hiện qua tài khoản đã được cung cấp hoặc qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ đối với trường hợp các cơ quan, đơn vị đã có cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

2. Cơ quan quản lý dữ liệu cấp II có trách nhiệm tổ chức hướng dẫn, đôn đốc việc triển khai sử dụng, cập nhật và quản lý dữ liệu thuộc phạm vi quản lý trên cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ; chịu trách nhiệm và bảo đảm dữ liệu đầy đủ, chính xác, kịp thời theo yêu cầu của Bộ Nội vụ.

Điều 9. Khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ

1. Thông tin trong cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ được sử dụng thống nhất trên toàn quốc, có giá trị pháp lý trong quản lý ngành Nội vụ.

2. Hình thức khai thác sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ được thực hiện thông qua tài khoản được cấp hoặc thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu.

3. Việc sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ phải tuân thủ các quy định của pháp luật về sở hữu dữ liệu và bảo vệ an toàn thông tin cá nhân.

4. Cơ quan quản lý và cơ quan, đơn vị cấp dưới được khai thác sử dụng thông tin trong phạm vi quản lý; ban hành quy định nội bộ về quản lý, sử dụng, khai thác dữ liệu, trong đó quy định cụ thể trách nhiệm quản lý và khai thác sử dụng thông tin từ các tài khoản người dùng; tiếp nhận và xử lý những góp ý, khiếu nại đối với dữ liệu trong thẩm quyền quản lý.

5. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân ngoài ngành Nội vụ có nhu cầu sử dụng thông tin từ cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ thực hiện theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin.

6. Đối với thông tin liên quan Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, việc cập nhật, khai thác, sử dụng thông tin cần đảm bảo quy định về bảo mật thông tin an ninh, quốc phòng theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật sử dụng cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ

1. Bộ Nội vụ cung cấp tài liệu điện tử về hướng dẫn sử dụng và các tài liệu liên quan phục vụ nhu cầu tập huấn, hướng dẫn sử dụng cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ của người dùng; tiếp nhận thông tin yêu cầu hỗ trợ kỹ thuật và hướng dẫn sử dụng được thực hiện qua Cổng thông tin điện tử của Bộ Nội vụ.

2. Việc tổ chức hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật sử dụng cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ tại các bộ, ngành, cơ quan trung ương, tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương do các cơ quan, đơn vị tự thực hiện theo điều kiện và nhu cầu.

Điều 11. Quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ

1. Quy định kỹ thuật về dữ liệu, quy định kỹ thuật về kết nối và hướng dẫn kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ được Bộ Nội vụ ban hành theo các phiên bản và công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nội vụ.

2. Bộ Nội vụ thực hiện chia sẻ dữ liệu chuyên ngành Nội vụ cho cơ quan, đơn vị khác sử dụng theo yêu cầu, việc thực hiện chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu đặc thù thực hiện thông qua quy chế phối hợp, văn bản đề nghị của cơ quan có nhu cầu chia sẻ.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của đơn vị thuộc Bộ Nội vụ

1. Đơn vị thuộc Bộ Nội vụ được phân công là cơ quan quản lý dữ liệu cấp I

a) Là cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ.

b) Phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ quan, đơn vị có liên

quan triển khai sử dụng, cập nhật thông tin trong cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ.

c) Kết nối, chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ lên Cổng dữ liệu quốc gia phục vụ cơ quan, tổ chức và cá nhân khai thác thông tin theo quy định tại Quy định này.

d) Chịu trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn về nghiệp vụ chuyên môn thuộc lĩnh vực được phân công và phê duyệt báo cáo dữ liệu của các cơ quan, đơn vị gửi về trên hệ thống phần mềm.

đ) Chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Trung tâm Thông tin, Bộ Nội vụ xây dựng Quy chế vận hành của cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi phụ trách.

e) Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm liên quan đến cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ theo quy định của pháp luật.

g) Tổ chức tập huấn, hướng dẫn, đôn đốc các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện quy định tại Quy định này.

h) Sơ kết, tổng kết, thống kê kết quả thực hiện của các đơn vị, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc triển khai thực hiện Quy định này.

2. Trung tâm Thông tin, Bộ Nội vụ

a) Chịu trách nhiệm bảo đảm hạ tầng phục vụ hoạt động của cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ.

b) Chịu trách nhiệm trình Bộ trưởng Bộ Nội vụ và công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nội vụ về danh mục, cập nhật bổ sung danh mục, nội dung cơ sở dữ liệu và địa chỉ truy cập cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ.

c) Phối hợp với cơ quan quản lý dữ liệu cấp I quy định kỹ thuật về dữ liệu và kết nối với cơ sở dữ liệu chuyên ngành ngành Nội vụ và công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nội vụ theo quy định tại Quy định này.

d) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc đánh giá và thực hiện việc đảm bảo an toàn thông tin theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

Điều 13. Trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Chỉ đạo tổ chức sử dụng, cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành ngành Nội vụ.

2. Đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị, hạ tầng kỹ thuật để kết nối, ổn định, thông suốt, an toàn hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Nội vụ tại cơ quan; đáp ứng các yêu cầu quy chuẩn kỹ thuật của hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ.

3. Quản lý tài khoản người dùng, cấp, hạn chế, mở rộng hoặc hủy bỏ quyền truy cập vào hệ thống cơ sở dữ liệu của các cơ quan, đơn vị trong phạm vi quản lý trên cơ sở đề nghị bằng văn bản của cơ quan quản lý dữ liệu.

4. Đảm bảo tuân thủ chặt chẽ các quy định về an toàn, an ninh và bảo mật thông tin dữ liệu chuyên ngành Nội vụ; đáp ứng yêu cầu đổi mới, tăng cường quản lý các lĩnh vực Nội vụ của Đảng, Nhà nước.

5. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ cho công chức, viên chức làm công tác quản lý cơ sở dữ liệu, quản lý tài khoản người dùng để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu được an toàn, thông suốt.

6. Hướng dẫn, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ thuộc thẩm quyền. Xem xét, xử lý vi phạm đối với các cơ quan, đơn vị vá cá nhân không cập nhật dữ liệu, có sai phạm trong cập nhật dữ liệu và bảo quản cơ sở dữ liệu theo phân cấp quản lý.

Điều 14. Kinh phí cho hoạt động cập nhật, kết nối, chia sẻ và quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ

Kinh phí cho hoạt động cập nhật, kết nối, chia sẻ và quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ được bố trí theo quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước, công nghệ thông tin và pháp luật khác có liên quan và nguồn kinh phí thực hiện từ các nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập./.